SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 477 /QĐ-TTYT

Kiến Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ–CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc bãi bỏ Nghị quyết số 370/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, tiêu hủy, thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; mua sắm tài sản công là vật tiêu hao; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTYT ngày 26 tháng 05 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 1: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp;

Căn cứ Thông báo số 56/TB-TTYT ngày 17 tháng 06 năm 2026 về việc Kết luận họp Giao ban tháng 6 năm 2026 giao Khoa Dược-VT, TBYT thực hiện nhiệm

vụ bảo đảm cung ứng thuốc, vật tư y tế, hóa chất phục vụ công tác khám sức khoẻ, khám chữa bệnh an toàn, liên tục và hiệu quả;

Căn cứ Kế hoạch số 279/KH-TTYT ngày 04 tháng 09 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp về việc lựa chọn nhà thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-TTYT ngày 14 tháng 9 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026.

Theo đề nghị của phụ trách Khoa Dược-VT, TBYT tại Tờ trình số 83/TTr-KD- VT, TBYT ngày 14/9/2026 về việc trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026 với nội dung chi tiết theo các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Khoa Dược-VT, TBYT, phòng Tổ chức hành chính-Kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban giám đốc;
- Phòng TCHC-KT;
- Khoa Dược-VT, TBYT;
- Lưu: VT, KD-VT, TBYT (DS Tiến).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Trương Đức Minh

Phụ lục

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày tháng năm 2006 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp)

STT	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu [3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn [5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu [6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu [8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu [9]	Loại hợp đồng [10]	Thời gian thực hiện hợp đồng [11]	Tùy chọn mua thêm [12]
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R'lấp	Gói thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026	Gói thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026; gồm 04 danh mục (04 phần lô): 62 mặt hàng; Tổng giá trị: **1.430.418.482** VNĐ	**1.430.418.482** VNĐ	Nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý III /2026	Đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.430.418.482** VND *(Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng)*								

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
17/09/2026 11:03:48

Phụ lục

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế do không có kết quả lựa chọn nhà thầu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 477 /QĐ-TTYT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của rung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp)

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.Phần 1: Hoá chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hoá									
1	VTHC BS001	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương,nước tiểu và CSF trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x12ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương,nước tiểu	R1: 4x25ml, R2: 4x12ml	ml	1.628	20.765	33.805.420
2	VTHC BS002	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương,theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x25ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x25ml, R2: 4x25ml	ml	1.400	14.903	20.864.200
3	VTHC BS003	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x25ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x50ml, R2: 4x25ml	ml	2.100	11.269	23.664.900
4	VTHC BS004	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng γ-Glutamyl Transferase (γ-GT) trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng γ-Glutamyl Transferase (γ-GT) trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x50ml, R2: 4x50ml	ml	1.200	11.907	14.288.400
5	VTHC BS005	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x60ml, R2: 4x60ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x60ml, R2: 4x60ml	ml	1.920	9.786	18.789.120

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	VTHC BS006	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 7x70ml, R2: 7x35ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương	R1: 7x70ml, R2: 7x35ml	ml	2.940	10.605	31.178.700
7	VTHC BS007	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x40ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu	R1: 4x40ml	ml	320	41.580	13.305.600
8	VTHC BS008	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 5x50ml, R2: 1x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương	R1: 5x50ml, R2: 1x50ml	ml	300	11.216	3.364.800
9	VTHC BS009	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Uric Acid trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x30ml, R2: 4x20ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Uric Acid trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x30ml, R2: 4x20ml	ml	800	13.272	10.617.600
10	VTHC BS010	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Calcium trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x60ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng calcium trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x60ml	ml	240	9.198	2.207.520
11	VTHC BS011	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC. Quy cách: Hộp x R1: 10x70ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương	R1: 10x70ml	ml	2.800	6.993	19.580.400
12	VTHC BS012	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 5x50ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương	R1: 5x50ml	ml	2.750	19.929	54.804.750

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	VTHC BS013	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Lipoprotein tỷ trong cao (HDL-C) trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x17ml, R3: 1x1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Lipoprotein tỷ trong cao (HDL-C) trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x50ml, R2: 4x17ml, R3: 1x1ml	ml	2.959	38.263	113.220.217
14	VTHC BS014	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng LDL –C trong huyết thanh và huyết tương. Quy cách: Hộp x R1: 2x45ml, R2: 1x30ml, R3: 1x1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng LDL –C trong huyết thanh và huyết tương	R1: 2x45ml, R2: 1x30ml, R3: 1x1ml	ml	3.267	97.503	318.542.301
15	VTHC BS015	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Lipid control Level 1 được sử dụng để xác minh hiệu suất của dụng cụ / thuốc thử trong định lượng Apolipoprotein A-1 & Apolipoprotein B, HDL & LDL. Đóng gói: Lọ 3ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất xác minh hiệu suất của dụng cụ / thuốc thử trong định lượng Apolipoprotein A-1 & Apolipoprotein B, HDL & LDL	Hộp / 5x3ml	Lọ	15	920.000	13.800.000
16	VTHC BS016	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Iron trong huyết thanh và huyết tương. Đóng gói: Hộp x R1: 4x50ml, R1a: 4x50ml, R2: 1x40ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Iron trong huyết thanh và huyết tương	R1: 4x50ml, R1a: 4x50ml R2: 1x40ml	ml	880	6.552	5.765.760
17	VTHC BS017	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Ferritin trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Đóng gói: Hộp x R1: 4x28ml, R2: 2x19ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Ferritin trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu	R1: 4x28ml, R2: 2x19ml	ml	300	145.110	43.533.000
18	VTHC BS018	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Bộ hiệu chuẩn Ferritin được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng ferritin trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đóng gói: Hộp x 6 x 1ml (set). Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Bộ hiệu chuẩn Ferritin	6x1ml (set)	ml	6	908.775	5.452.650
19	VTHC BS019	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Ferritin Controls được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Hai mức của kiểm chuẩn nên được chạy để đảm bảo kết quả. Đóng gói: Hộp x 2 set x 5 x 1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Bộ kiểm chuẩn Ferritin	2 Sets x 5x1ml	ml	10	982.800	9.828.000

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	VTHC BS020	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatine Kinase (CK-MB) trong huyết thanh trên máy phân tích tự động. Đóng gói: Hộp x R1: 4 x 25 ml, R2: 4 x 5 ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatine Kinase (CK-MB) trong huyết thanh	R1:4 x 25 ml, R2: 4 x 5 ml	ml	360	66.150	23.814.000
21	VTHC BS021	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Hiệu chuẩn CKMB được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CKMB trên máy phân tích tự động và bán tự động. Quy cách: Lọ 2ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất hiệu chuẩn CKMB	Hộp/10x2ml	Lọ	2	799.890	1.599.780
22	VTHC BS022	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. CK-MB - Control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Quy cách: Lọ 2ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất kiểm chuẩn CKMB	Hộp/10x2ml	Lọ	18	799.890	14.398.020
23	VTHC BS023	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Protein phản ứng C trong huyết thanh trên máy phân tích tự động. Đóng gói: Hộp x R1:4 x 40 ml, R2: 2 x 17 ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng protein phản ứng C trong huyết thanh	R1: 4x40ml, R2: 2x17ml	ml	2.716	61.845	167.971.020
24	VTHC BS024	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Bộ hiệu chuẩn CRP được sử dụng để thiết lập điểm tham chiếu trong định lượng CRP trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đóng gói: Lọ 1ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất hiệu chuẩn CRP	Lọ1ml	Lọ	3	651.000	1.953.000
25	VTHC BS025	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. CRP – Control Level 1 được sử dụng để xác minh hiệu suất của thiết bị / thuốc thử. Quy cách: Lọ 1ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất kiểm chuẩn CRP mức 1	Lọ1ml	Lọ	11	699.930	7.699.230
26	VTHC BS026	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. hiệu chuẩn General Chemistry được sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng trên máy phân tích sinh hóa. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh	Lọ 5ml	Lọ	4	884.940	3.539.760

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	VTHC BS027	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 1. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hoá chất kiểm chuẩn chung các thông số thường quy mức 1	Lọ/5 mL	Lọ	18	684.810	12.326.580
28	VTHC BS028	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 2. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7. Quy cách: Lọ 5ml.	Hoá chất kiểm chuẩn chung các thông số thường quy mức 2	Lọ/5 mL	Lọ	18	684.810	12.326.580
29	VTHC BS029	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Được dùng để làm sạch các hệ thống đo của máy phân tích hóa sinh. Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Hộp/ 2000ml	Hộp	22	2.835.000	62.370.000
30	VTHC BS030	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Triethanolamine 0.1 mol/L Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Dung dịch đệm chạy điện giải trên máy sinh hóa	Hộp/ 2000ml	Hộp	9	1.596.000	14.364.000
31	VTHC BS031	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người Thành phần và nồng độ: Na+ 4.3 mmol/L K+0.13 mmol/L Cl-3.1 mmol/L Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Dung dịch chuẩn chạy điện giải trên máy sinh hóa	Hộp/ 2000ml	Hộp	14	1.974.000	27.636.000
32	VTHC BS032	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Potassium Chloride1.00 mol/L Quy cách: Hộp x 1000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Dung dịch tham chiếu chạy điện giải trên máy sinh hóa	1x1000ml	Hộp	4	2.247.000	8.988.000

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	VTHC BS033	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Na+ 130 mmol/L K+3.5 mmol/L Cl- 85 mmol/L Quy cách: Hộp x 100ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	1x100ml	Hộp	1	1.848.000	1.848.000
34	VTHC BS034	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử để xác định định lượng nồng độ Na +, K + và Cl- trong huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hoá Thành phần: Na+160 mmol/L K+6 mmol/L Cl-120 mmol/L Quy cách: Hộp x 100ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	1x100ml	Hộp	1	1.848.000	1.848.000
35	VTHC BS035	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Để sử dụng chẩn đoán in vitro như một chất làm sạch trên các hệ thống sinh hóa Dùng để làm sạch các thành phần điện giải trên hệ thống máy sinh hoá Quy cách: Hộp x 450ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm điện giải	450ml	Hộp	1	2.584.890	2.584.890
36	VTHC BS036	ALCOHOL	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Đinh lượng nồng độ cồn trong máu R1: Tris-based buffer, sodium azide R2: alcohol dehydrogenase (ADH), nicotinamide adenine dinucleotide, sodium azide. Quy cách: Hộp x R1: 4x20ml, R2: 2x15ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hóa chất định lượng nồng độ cồn trong máu	Hộp/ R1:4x20ml/ R2:2x15ml	ml	110	91.828	10.101.080
37	VTHC BS037	ALCOHOL CALIBRATOR	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Dung dịch chạy hiệu chuẩn cho test Alcohol. Quy cách: Hộp R1: 1x5ml, R2: 1x5ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ethanol	Hộp/ R1: 1x5ml, R2: 1x5ml	ml	10	709.989	7.099.890

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	VTHC BS038	ALCOHOL CONTROL SET	Phù hợp với máy phân tích sinh hóa AU480 Dung dịch chạy kiểm tra cho test Alcohol. Quy cách: Hộp 2 x 1ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm Ethanol	Hộp/ 2x1ml	Hộp	8	5.674.830	45.398.640
39	VTHC BS039	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Dung tích: Mẫu Cup 2.5ml. Kích thước: 16 X 38mm Quy cách : Gói/500 cái.	Cốc đựng mẫu (Sample cup)	Gói/500 cái	Gói	1	169.000	169.000
40	VTHC BS040	Photometer Lamp, 12V 20W	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Bóng Halogen 12V, 20W	Photometer Lamp, 12V 20W	Hộp/1 Cái	Cái	1	4.070.520	4.070.520
41	VTHC BS041	Roller Tubing (ống dây bơm)	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm. Gói/ 2 cái	Roller Tubing (ống dây bơm)	Túi/2 cái	Cái	10	1.318.680	13.186.800
42	VTHC BS042	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương,nước tiểu và CSF trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:9x50ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Glucose Pap	Hộp/ R1:9x50ml	ml	450	7.556	3.400.200
43	VTHC BS043	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương,theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:5x30ml, R2:3x10ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Aspartate aminotransferase (AST)	Hộp/ R1:5x30ml/ R2:3x10ml	ml	180	12.778	2.300.040
44	VTHC BS044	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:5x30ml, R2:3x10ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Alanine aminotransferase (ALT)	Hộp / R1:5x30ml/ R2:3x10ml	ml	180	12.778	2.300.040
45	VTHC BS045	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa FC200. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1:6x65ml, R2:6x44ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Urea	Hộp / R1:6x65ml/ R2:6x44ml	ml	654	6.881	4.500.174

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	VTHC BS046	Hóa chất định lượng Procalcitonin (PCT)	Xét nghiệm phát hiện procalcitonin người trong huyết thanh hoặc huyết tương của người bằng kỹ thuật ELFA (Phương pháp Enzym có gắn huỳnh quang)	VIDAS B.R.A.H.M.S PCT	Hộp 60 test	Test	360	319.091	114.872.760
47	VTHC BS047	Hóa chất định lượng Troponin I	Xét nghiệm định lượng troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người bằng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	VIDAS High sensitive Troponin I (TNHS)	Hộp 60 test	Test	180	68.103	12.258.540
48	VTHC BS048	Chất chuẩn nội kiểm nước tiểu mức 1	Dạng lỏng, từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Microalbumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25oC hoặc tương đương. Lọ 12 ml	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 1, Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Hcg, Ketones, Leukocytes ,Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity, Urobilinogen (Urinalysis Control - Level 1 (Urnal control 1))	Hộp/12 lọ x 12 ml	Lọ	12	631.500	7.578.000
49	VTHC BS049	Chất chuẩn nội kiểm nước tiểu mức 2	Dạng lỏng, từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Microalbumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8oC. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25oC hoặc tương đương. Lọ 12 ml	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và bán định lượng mức 2 Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Hcg, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity, Urobilinogen (Urinalysis Control - Level 2 (Urnal control 2))	Hộp/12 lọ x 12 ml	Lọ	12	631.500	7.578.000
Tổng cộng 1: 49 khoản									**1.356.693.882**
2.Phần 2: Hóa chất, vật tư xét nghiệm HBV PCR									
50	VTHC BS050	Kit tách chiết RNA/DNA	Mẫu đầu vào: Mẫu huyết thanh, huyết tương, huyễn dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế), mẫu tế bào vi khuẩn Lượng mẫu đầu vào200 µL Thể tích thu nhận: 50 µL DNA/RNA Thành phần bộ kitRL Buffer, WB1 Buffer, WB2 Buffer, Magbead, Ethanol, Proteinase K, RNA carrier và nước xử lý DEPC.	TopPURE ® Maga Serum DNA/RNA Co-Extraction Kit	96 tests/hộp	Hộp	**2**	6.600.000	13.200.000

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	VTHC BS051	Hoá chất định lượng HBV bằng phương pháp Realtime PCR	- Mục tiêu: DNA Hepatitis B Virus (HBV) - Loại mẫu đầu vào: Huyết thanh, huyết tương - Kênh màu huỳnh quang: FAM, VIC - Công nghệ: TaqMan probe - Kiểu gene: HBV type B, C và D - Độ nhạy (LOD): 20 IU/mL	HBV Quantitative Real Time PCR Kit	50 tests/hộp	Test	**100**	180.000	18.000.000
52	VTHC BS052	Ống ly tâm 1.5 ml (có nắp)	Đáy hình nón, có thể tự đứng được Khu vực viết mờ, thuận tiện cho việc ghi lại Có vạch chia rõ ràng Chất liệu: nhựa polypropylen (PP), tuân thủ USP CLASS VI Nắp kín có thể được mở và đóng nhiều lần, có thể cải thiện hiệu suất bịt kín, ngăn chặn rò rỉ chất lỏng và dễ dàng thao tác bằng một tay MAX RCF (lực ly tâm tương đối tối đa) đạt 25.000xg Không chứa DNase/RNase, Non-pyrogenic.	Ống ly tâm siêu nhỏ có nắp bằng nhựa loại 1.5ml	500 cái/hộp	Cái	**600**	396	237.600
53	VTHC BS053	Ống PCR 0.2ml ,có nắp phẳng liền thân	•Đóng gói: 1000 cái/gói •Các ống PCR riêng lẻ có nắp đậy chống bay hơi, dễ mở và đóng giúp ngăn ngừa thất thoát mẫu. •Các giếng siêu mỏng, đồng đều đảm bảo hiệu suất phản ứng và truyền nhiệt tối ưu. •Được sản xuất từ nhựa polypropylen nguyên chất chất lượng cao để đảm bảo độ tinh khiết và mang lại độ rõ quang học tuyệt vời. •Được chứng nhận không chứa RNase, DNase, DNA, chất ức chế PCR có thể phát hiện được và không chứa pyrogen đã được thử nghiệm.	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa dạng đơn loại 0.2ml	1000 ống/gói	Túi/ hộp	**1**	990.000	990.000
54	VTHC BS054	Strip dùng cho máy realtime PCR 0.1ml	Thành thấp Ống vách mỏng để truyền nhiệt tốt nhất Được làm từ nhựa USP VI Polypropylen Không chứa DNase, RNase, DNA, chất ức chế PCR, ATP, Endotoxin. Tất cả các sản phẩm sẵn sàng để sử dụng trong qPCR Tỷ lệ bay hơi dưới 5% Gói nhỏ có thể tránh bị nhiễm chéo Nắp quang học cực rõ, đảm bảo tín hiệu huỳnh quang tốt hơn Kiểm soát kỹ thuật ép phun độc đáo, mỗi nắp có cùng tốc độ truyền ánh sáng, để đảm bảo tín hiệu huỳnh quang nhất quán.	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa dạng chuỗi 8 cái loại 0.1ml	120 chuỗi/hộp	Túi/ hộp	**2**	1.750.000	3.500.000

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	VTHC BS055	Đầu típ có lọc các loại	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) là bộ phận dùng một lần của micropipette, nhằm hút và phân phối chính xác lượng chất lỏng trong thí nghiệm khoa học hoặc xét nghiệm, ngăn ngừa nhiễm chéo và đảm bảo an toàn, tiện lợi. Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipette từ các hãng Effendorf, Thermo, Dlab,... Tiệt trùng: Khí EO (Ethylene Oxide) Không chứa DNase và RNase, không Pyrogen và có khả năng chống bám dính dung dịch.	Đầu col có lọc 1000ul	96 tips/hộp	Hộp	**5**	126.000	630.000
Tổng cộng 2: 06 khoản									**36.557.600**
3.Phần 3: Test chẩn đoán xét nghiệm các loại									
56	VTHC BS056	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 99.3% - Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA. - Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp trên vùng vạch thử. - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai - Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. -Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu - Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, Chlamydia, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdoriferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi l/ll). Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO 13485:2016	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Hộp/25 test\	Test	**300**	48.090	14.427.000
Tổng cộng 3: 01 khoản									**14.427.000**
4.Phần 4: Chỉ phẫu thuật, vật tư thông thường									
57	VTHC BS057	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6-6.6 số 4	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 4,0	Hộp/24 tép	Tép	**144**	18.000	2.592.000
58	VTHC BS058	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6-6.6 số 2	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Số 2/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm.	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide số 2,0	Hộp/24 tép	Tép	**144**	17.000	2.448.000

Stt	Mã số	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	VTHC BS059	Giấy đo điện tim	Dùng cho máy điện tim 6 cần. Kích thước rộng 110 mm * 140mm * 143 tờ.	Giấy in điện tim 6 cần	Gói/1 xấp	Xấp	**30**	30.000	900.000
60	VTHC BS060	Kim chọc dò tủy sống số 27G	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G27, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Quy cách: Hộp 25 cái	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Hộp/50 cái	Cái	**300**	24.000	7.200.000
61	VTHC BS061	Bơm tiêm insulin 1ml/ 100IU	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế. Dung tích 1ml/100UI, cỡ kim 30Gx5/16". Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 11135.	Bơm tiêm Insulin 100UI	Hộp 100 cái	Cái	**3.000**	1.700	5.100.000
62	VTHC BS062	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã qua sử dụng (dung tích 5l)	Nguyên liệu: Giấy duplex, kim không chọc thủng thành hộp Màu sắc: Vàng Dung tích: 5 lít Được dùng để chứa chất thải sắc nhọn nguy hiểm trong các phòng thủ thuật, phòng khám, phòng tiêm, phòng xét nghiệm, phòng lấy mẫu bệnh phẩm, trên xe tiêm.	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã qua sử dụng (dung tích 5l)	Lốc/50 cái	Cái	**300**	15.000	4.500.000
Tổng cộng 4: 06 khoản									**22.740.000**
Tổng cộng 1+2+3+4: 62 khoản									**1.430.418.482**